



**Phụ lục số 24. Mẫu thông báo về giá trị tài sản ròng của Quỹ**  
**Appendix 24. Disclosure of information about Net Asset Value of the Fund**

(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)  
 (Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF THE FUND**

Tại Ngày/ As at: 20/12/2016

Tên công ty quản lý quỹ/ Management Fund Company name: **Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank/Vietcombank Fund Management**  
 Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank: **Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) / Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.**  
 Tên Quỹ/ Fund name: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu hàng đầu Vietcombank/VCBF Blue Chip Fund (VCBDCF)**  
 Ngày định giá/Valuation date: **21/12/2016**  
 Ngày giao dịch/ Dealing date: **21/12/2016**

| Tên Quỹ Mở<br>Fund Name   | Phí phát hành (%<br>giá trị giao dịch)/<br>Subscription Fee<br>(% of<br>transaction<br>amount) | Phí mua lại (%<br>giá trị giao dịch)/<br>Redemption Fee<br>(% of<br>transaction<br>amount) | Giá trị tài sản ròng trên một<br>đơn vị quỹ tại ngày định<br>giá/<br>NAV per unit at Valuation<br>Date | Giá trị tài sản ròng trên<br>một đơn vị quỹ tại ngày<br>định giá kỳ trước/<br>NAV per unit last<br>Valuation Date | Tăng/Giảm giá trị tài<br>sản ròng trên một đơn<br>vị quỹ so với kỳ trước/<br>(%)/<br>Change in NAV per<br>unit compared to last<br>Valuation Date (%) | Biến động giá trị tài sản ròng trên<br>một đơn vị quỹ trong năm/<br>Change in NAV per unit in 1-year |   | Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN<br>Foreign Investors' Ownership Ratio<br>(**) |   |                                 |
|---|--|--|--|---|---|--|---|--|---|---------------------------------|
|   |  |  |  |   |   | Mức cao nhất<br>(VND)<br>Highest level<br>(VND)  | Mức thấp nhất<br>(VND)<br>Lowest level<br>(VND) | Số lượng đơn vị quỹ/<br>Number of fund unit                          | Tổng giá trị tại ngày giao dịch/<br>Total value on dealing date | Tỷ lệ sở hữu<br>Ownership Ratio |
| 1   | 2  | 3  | 4  | 5   | 6   | 7  | 8   | 9  | 10  | 11                              |
| Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu<br>Vietcombank<br>VCBF Blue Chip Fund (VCBDCF) | 0.00% - 2.00%<br>(*)   | 0.00% - 3.00%<br>(*)   | 13,953.22  | 13,784.30   | 1.23%   | 15,104.29  | 11,180.96                                       | 2,649,365.66   | 36,967,181,914  | 21.37%                          |

**Ghi chú / Notes:**

(\*) Tham khảo chi tiết tại Điểm 1, Mục XII, Bản cáo bạch Quỹ Đầu Tư cổ phiếu hàng đầu cập nhật và có hiệu lực từ ngày tháng 25 tháng 05 năm 2016.  
 Please refer to Article 1, part XII of the Prospectus of Vietcombank Blue Chip Fund, which came into effect since 25 May 2016.

(\*\*) Các chỉ tiêu này được xác định tại ngày chốt giá trị tài sản ròng  
 Those items are valued as at Net Asset Value date.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
**Authorised Representative of Supervising Bank**

**(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ**  
**Chief Executive Officer of Fund Management Company**

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)  
 Lê Sỹ Hoàng  
 Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank  
 Bùi Sỹ Tân  
 Phó Tổng Giám Đốc